

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HS-PT

Ngày: 10/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thơ**.

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thanh Vân;

Ông Phan văn Huyện.

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thắm**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Phương Thảo**, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 41/2020/TLPT-HS ngày 22 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Lê Thị T do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 03/2020/HSST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị T, sinh năm 1972, tại tỉnh Tiền Giang;

Nơi cư trú: Ấp TB, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới T1: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn P (chết) và bà Nguyễn Thị N (chết); Chồng: Nguyễn Văn P, sinh năm 1972 và 01 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 25/3/2019 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc liên quan đến kháng cáo:

- Người bị hại có kháng cáo:

1. Lê Văn T1, sinh năm 1965. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TB, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

2. **Trần Kim Đ**, sinh năm 1953. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TH, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

3. **Trần Thị Lệ T**, sinh năm 1967. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

4. **Nguyễn Thị Thu V**, sinh năm 1961. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TB, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

5. **Võ Thị Thu V**, sinh năm 1957. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TB, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

6. **Phạm Thị Bích T2**, sinh năm 1978. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TB, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

7. **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1958. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

8. **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1980. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

9. **Huỳnh Nguyễn Nhã P**, sinh năm 1985. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TL, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

10. **Võ Thị Kim N**, sinh năm 1979. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TB, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

11. **Nguyễn Thị Thu S**, sinh năm 1978. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

12. **Võ Văn M**, sinh năm 1950. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TB, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

13. **Dương Thị N**, sinh năm 1957. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TB, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

14. **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1965. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TB, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

15. **Võ Thị Kim P**, sinh năm 1972. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TB, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

16. **Lê Thị Thu N**, sinh năm 1989. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

17. **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1961. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TB, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

18. **Võ Thị Đ**, sinh năm 1961. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TB, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1, bà Đ, bà T, bà Võ Thị Thu V, bà Nguyễn Thị Thu V, bà T2, bà D, chị Kim T, chị P, bà N, bà S, ông M, bà N, chị P, chị Nguyễn, bà T, bà Đ, bà T: Luật sư Dương Thị Kim L, Văn phòng Luật sư Kim L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.*

19. **Phạm Thị Kim B**, sinh năm 1988. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TB, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo T bắt đầu làm thảo hụi từ năm 2001 tại ấp TB, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang với mục đích kiếm tiền huê hồng từ các hụi viên để sinh sống. Trong quá trình làm hụi, bị cáo tổ chức các dây hụi 500.000 đồng, 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng, 3.000.000 đồng và 5.000.000 đồng. Những lần tổ chức dây hụi trên thì bị cáo T và các hụi viên đều đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với các dây hụi do bị cáo T làm đầu thảo, nhưng đến khoảng năm 2012 bị cáo T giao hụi cho các hụi viên thì các hụi viên đã hốt hụi không đóng tiền hụi chết đầy đủ cho bị cáo T để bị cáo T giao hụi cho các hụi viên khác, từ đó bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các hụi viên khác bằng cách lợi dụng những lúc bỏ thăm khui hụi thì bị cáo dùng tên của những hụi viên không đi bỏ thăm hụi, bị cáo nói với hụi viên đi bỏ thăm hụi là “hụi gửi”, bị cáo bỏ hụi với số tiền cao để được hốt, bị cáo lấy tiền hốt hụi được để choàng hụi cho những người không đóng hụi chết cho bị cáo và cũng để tiêu xài cho cá nhân, sau khi hụi mãn thì bị cáo sẽ chạy tiền trả lại cho những người hốt hụi ở kỳ cuối cùng, việc làm này của bị cáo T không bị ai phát hiện và thực hiện trót lọt nhiều năm liền. Tuy nhiên, đến năm 2016, cũng với thủ đoạn tương tự, bị cáo T thực hiện hành vi gian dối để lấy tiền choàng cho những hụi viên đã hốt hụi nhưng không đóng hụi chết, do bị cáo T thực hiện việc giao hụi trể dẫn đến các hụi viên khác có sự nghi ngờ nên các hụi viên các dây hụi khác liên tục yêu cầu được hốt hụi. Từ đó, bị cáo T mất khả năng T toán hụi, các hụi viên lần lượt làm đơn thưa bị cáo T. Quá trình điều tra vụ án, bị cáo T khai nhận đã chiếm đoạt 33 (ba mươi ba) lần/09 dây hụi (có tổng số 97 hụi viên) của hụi viên còn sống, được thể hiện qua các lần cụ thể như sau:

Hụi 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/tháng thực hiện hành vi chiếm đoạt 09 lần/02 dây hụi:

- Dây hội mở ngày 05/6/2016 (âm lịch) có 30 phần hội, 23 hội viên tham gia, đến ngày 10/6/2018 (âm lịch) bị cáo T tuyên bố vỡ hội. Phần hội này đã hót 19 phần, còn lại 11 phần chưa hót, trong đó bà O (Út Trắng), bà V (Năm V), bà T (Tur Đ), chị L (Chín C), chị L (Óc L) còn 01 phần chưa hót; bà N (Bảy Th), chị N, bà T còn 02 phần chưa hót (Dây hội này chị N 01 phần và bà Võ Thị P có nhờ chị N đứng tên chơi 01 phần nên chị N còn tổng cộng 02 phần chưa hót). Cả 08 hội viên bà O (Út T), bà V (Năm V), bà T (Tur Đ), chị L (Chín C), chị L (Óc L), bà N (Bảy T), chị N, bà T đều có viết đơn tố cáo. Trong thời gian dây hội này hoạt động, bị cáo T đã tự ý bỏ thăm 08 lần để hót hội, bỏ hội với mức từ 155.000 đồng đến 185.000 đồng, lần 01 bị cáo thực hiện vào tháng 08/2016 âm lịch, còn các lần khác thì bị cáo không nhớ, bị cáo cũng không có mạo danh ai để hót, bị cáo chỉ nói với các hội viên là hội gửi. Khi dây hội hoạt động còn 04 tháng nữa thì kết thúc, bị cáo T tuyên bố vỡ hội.

- Dây hội mở ngày 30/12/2016 (âm lịch) có 30 phần hội của 24 hội viên tham gia, đến ngày 05/7/2018 (âm lịch) bị cáo T tuyên bố vỡ hội. Phần hội này đã hót 18 phần, còn lại 12 phần chưa hót, trong đó chị Kim B (Vợ Q), bà V (Năm V), bà T (Sáu T), chị L (Chín C), chị L, chị L (vợ V), chị T, bà N (Ba C) còn 01 phần chưa hót; bà L (Tur L), chị N còn 02 phần chưa hót (Dây hội này chị N 01 phần và bà Võ Thị P có nhờ chị N đứng tên chơi 01 phần nên chị N còn tổng cộng 02 phần chưa hót). Có 06 hội viên chị Kim B (Vợ Q), bà V (Năm V), chị L (Chín C), chị N, bà L (Tur L), chị T viết đơn tố cáo, các hội viên có hội sống còn lại không viết đơn tố cáo. Trong thời gian dây hội này hoạt động, bị cáo T đã tự ý bỏ thăm 02 lần để hót hội, bỏ hội với mức từ 170.000 đồng đến 205.000 đồng, lần 01 bị cáo thực hiện vào tháng 09/2017 âm lịch, lần còn lại thì bị cáo không nhớ, bị cáo cũng không có mạo danh ai để hót, bị cáo chỉ nói với các hội viên là hội gửi. Khi dây hội hoạt động còn 10 tháng nữa thì kết thúc, bị cáo T tuyên bố vỡ hội.

Hội 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng thực hiện hành vi chiếm đoạt 15 lần/4 dây hội:

- Dây hội mở ngày 20/4/2016 (âm lịch) có 32 phần hội của 22 hội viên tham gia, đến ngày 27/6/2018 (âm lịch) bị cáo T tuyên bố vỡ hội. Phần hội này đã hót 24 phần, còn lại 08 phần chưa hót, trong đó chị N, chị T (vợ D), bà D, ông T (Hai T) còn 01 phần chưa hót; bà N (Tur N) còn 04 phần chưa hót. Có 03 hội viên chị N, bà D, ông T (Hai T) viết đơn tố cáo, các hội viên có hội sống còn lại không viết đơn tố cáo. Trong thời gian dây hội này hoạt động, bị cáo T đã tự ý bỏ thăm 04 lần để hót hội, bỏ hội với mức từ 390.000 đồng đến 405.000 đồng, bị cáo không nhớ thời gian cụ thể, bị cáo cũng không có mạo danh ai để hót, bị cáo chỉ nói với các hội viên là hội gửi. Khi dây hội hoạt động còn 04 tháng nữa thì kết thúc, bị cáo T tuyên bố vỡ hội.

- Dây hội mở ngày 05/9/2016 (âm lịch) có 34 phần hội của 20 hội viên tham gia, đến ngày 05/6/2018 (âm lịch) bị cáo T tuyên bố vỡ hội. Phần hội này đã hót 19 phần, còn lại 15 phần chưa hót, trong đó chị T2 (Vợ T), bà N (Tur N), chị P (H), bà N (Bảy T), bà T, bà T (Tur P), bà Đ (Tur Đ) còn 01 phần chưa hót;

bà V (Năm V), bà D còn 02 phần chưa hót; ông M (M Đ) còn 04 phần chưa hót. Có 08 hội viên chị T2 (Vợ T), bà N (Bảy T), bà T, bà T (Tur P), bà Đ (Tur Đ); bà V (Năm V), bà D; ông M (M Đ) viết đơn tố cáo, các hội viên có hội sống còn lại không viết đơn tố cáo. Trong thời gian đây hội này hoạt động, bị cáo T đã tự ý bỏ thăm 04 lần để hót hội, bỏ hội với mức từ 390.000 đồng đến 405.000 đồng, bị cáo không nhớ thời gian cụ thể, bị cáo cũng không có mạo danh ai để hót, bị cáo chỉ nói với các hội viên là hội gửi. Khi đây hội hoạt động còn 11 tháng nữa thì kết thúc, bị cáo T tuyên bố vỡ hội.

- Đây hội mở ngày 15/11/2016 (âm lịch) có 30 phần hội của 25 hội viên tham gia, đến ngày 15/6/2018 (âm lịch) bị cáo T tuyên bố vỡ hội. Phần hội này đã hót 17 phần, còn lại 13 phần chưa hót, trong đó chị B (Vợ Q), bà N (Bảy T), bà T, chị P, chị N, chị T (N), bà N (Ba C), chị L (Mười L), bà V (Năm V), chị T, bà D (Bảy B), bà (Tur Đ) còn 02 phần chưa hót. Có 10 hội viên chị B (Vợ Q), bà N (Bảy T), bà T, chị P, chị N, chị T (N), bà V (Năm V), chị T, bà D (Bảy B), bà Đ (Tur Đ) viết đơn tố cáo, các hội viên có hội sống còn lại không viết đơn tố cáo. Trong thời gian đây hội này hoạt động, bị cáo T đã tự ý bỏ thăm 04 lần để hót hội, bỏ hội với mức từ 390.000 đồng đến 405.000 đồng, bị cáo không nhớ thời gian cụ thể, bị cáo cũng không có mạo danh ai để hót, bị cáo chỉ nói với các hội viên là hội gửi. Khi đây hội hoạt động còn 09 tháng nữa thì kết thúc, bị cáo T tuyên bố vỡ hội.

- Đây hội mở ngày 25/6 (trước)/2017 (âm lịch) có 30 phần hội của 21 hội viên tham gia, đến ngày 02/7/2018 (âm lịch) bị cáo T tuyên bố vỡ hội. Phần hội này đã hót 11 phần, còn lại 19 phần chưa hót, trong đó Phước T (Út T), chị T2 (vợ L), bà T (mười Đ), bà N (Ba C), chị P, chị M (T), chị T (TB5), chị C (T), chị D (vợ V), chị D (T), chị H (B), chị C (Tur H) còn 01 phần chưa hót; chị P, chị T (N) còn 02 phần chưa hót; chị Ánh X còn 03 phần chưa hót. Có 03 hội viên chị P, chị P, chị T (N) viết đơn tố cáo, các hội viên có hội sống còn lại không viết đơn tố cáo. Trong thời gian đây hội này hoạt động, bị cáo T đã tự ý bỏ thăm 03 lần để hót hội, bỏ hội với mức từ 390.000 đồng đến 405.000 đồng, bị cáo không nhớ thời gian cụ thể, bị cáo cũng không có mạo danh ai để hót, bị cáo chỉ nói với các hội viên là hội gửi. Khi đây hội hoạt động còn 16 tháng nữa thì kết thúc, bị cáo T tuyên bố vỡ hội.

Hội 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng thực hiện hành vi chiếm đoạt 08 lần/2 đây hội:

- Đây hội mở ngày 05/02/2016 (âm lịch) có 40 phần hội của 29 hội viên tham gia, đến ngày 05/6/2018 (âm lịch) bị cáo T tuyên bố vỡ hội. Phần hội này đã hót 27 phần, còn lại 13 phần chưa hót, trong đó chị M (vợ N), bà Đ (Sáu M), bà T (Năm H), chị B (vợ Q), chị P (H), bà V, bà V (Năm V), bà T (Út c), chị S, chị D (Bé h), bà Ú (Út L) còn 01 phần chưa hót; bà T còn 02 phần chưa hót. Có 08 hội viên: bà Đ (Sáu M), chị B (vợ Q), bà T, bà V, bà V (Năm V), chị S, chị D (Bé H), bà Ú (Út L) viết đơn tố cáo, các hội viên có hội sống còn lại không viết đơn tố cáo. Trong thời gian đây hội này hoạt động, bị cáo T đã tự ý bỏ thăm 03 lần để hót hội trong đó 01 lần bị cáo T thực hiện vào ngày 05/10/2016 âm lịch,

còn lại bị cáo không nhớ thời gian cụ thể, bỏ hội với mức 780.000 đồng đến 800.000 đồng, bị cáo cũng không có mạo danh ai để hốt, bị cáo chỉ nói với các hội viên là hội gửi. Khi đây hội hoạt động còn 10 tháng nữa thì kết thúc, bị cáo T tuyên bố vỡ hội.

- Dây hội mở ngày 30/6/2016 (âm lịch) có 30 phần hội của 24 hội viên tham gia, đến ngày 10/6/2018 (âm lịch) bị cáo T tuyên bố vỡ hội. Phần hội này đã hốt 20 phần, còn lại 10 phần chưa hốt, trong đó bà N, bà N (Ba C), anh Đ (H), bà T (Tur P) còn 01 phần chưa hốt; ông M (MĐ) còn 02 phần chưa hốt; chị T (N) còn 04 phần chưa hốt (chị T chơi 02 phần giùm cho bà Dương Thị H nên tổng cộng chị T chơi 04 phần). Có 04 hội viên: bà N, chị T (N), ông M (MĐ), bà T (Tur P) viết đơn tố cáo, các hội viên có hội sống còn lại không viết đơn tố cáo. Trong thời gian dây hội này hoạt động, bị cáo T đã tự ý bỏ thăm 05 lần để hốt hội, bỏ hội với mức 780.000 đồng đến 800.000 đồng, bị cáo không nhớ thời gian cụ thể, bị cáo cũng không có mạo danh ai để hốt, bị cáo chỉ nói với các hội viên là hội gửi. Khi đây hội hoạt động còn 05 tháng nữa thì kết thúc, bị cáo T tuyên bố vỡ hội.

Hội 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 lần như sau:

Mở ngày 20/7/2016 (âm lịch) có 28 phần hội của 23 hội viên tham gia, đến ngày 20/6/2018 (âm lịch) bị cáo T tuyên bố vỡ hội. Phần hội này đã hốt 24 phần, còn lại 04 phần chưa hốt, trong đó chị P, chị N (vợ Hai T1), chị N (T), bà T (Tám P) còn 01 phần chưa hốt. Có 04 hội viên: chị N (vợ Hai T1), chị N (T), bà T (Tám P), chị P viết đơn tố cáo. Trong thời gian dây hội này hoạt động, bị cáo T đã tự ý bỏ thăm 01 lần để hốt hội vào kỳ khai hội thứ tư ngày 20/10/2016 âm lịch, bỏ hội với mức 1.900.000 đồng, bị cáo cũng không có mạo danh ai để hốt, bị cáo chỉ nói với các hội viên là hội gửi. Khi đây hội hoạt động còn 03 tháng nữa thì kết thúc, bị cáo T tuyên bố vỡ hội.

Do số tiền bỏ hội các hội viên và bị cáo khai không giống nhau nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện TPĐ đã cho bị cáo và các bị hại đối chất với nhau, kết quả đối chất một số bị hại thì thống nhất với mức bỏ thăm cao nhất trong từng dây hội mà bị cáo T đưa ra, một số bị hại không đồng ý với số tiền bỏ hội cao nhất mà bị cáo T đưa ra. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện TPĐ và Viện kiểm sát nhân dân huyện TPĐ đã căn cứ vào số tiền bỏ hội cao nhất trong từng dây hội do bị cáo T đã xác định để tính số tiền chiếm đoạt của bị cáo T trong vụ án. Số tiền mà bị cáo T chiếm đoạt cụ thể như sau:

- Dây hội mở ngày 05/6/2016 (âm lịch), hội 500.000 đồng/tháng, tiền bị cáo T bỏ hội là 185.000 đồng, bị cáo T chiếm đoạt của bà O (Út T) là 2.205.000 đồng, bà V (Năm V) là 2.205.000 đồng, bà T (Tur Đ) là 2.205.000 đồng, chị L (Chín C) là 2.205.000 đồng, chị L (Ốc L) là 2.205.000 đồng, bà N (Bảy T) là 4.410.000 đồng, chị N là 4.410.000 đồng, bà T là 4.410.000 đồng.

- Dây hội mở ngày 30/12/2016 (âm lịch), hội 500.000 đồng/tháng, tiền bị cáo T bỏ hội là 125.000 đồng, bị cáo T chiếm đoạt của chị Kim B (Vợ Q) là 590.000 đồng, bà V (Năm V) là 590.000 đồng, chị L (Chín C) là 590.000 đồng,

chị N là 1.180.000 đồng, bà L (Tur L) là 1.180.000 đồng, chị Thơ là 590.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 20/4/2016 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng/tháng, tiền bị cáo T bỏ hụi là 405.000 đồng, bị cáo T chiếm đoạt của chị N, bà D, ông T (Hai T) mỗi người là 2.380.000 đồng

- Dây hụi mở ngày 05/9/2016 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng/tháng, tiền bị cáo T bỏ hụi là 405.000 đồng, bị cáo T chiếm đoạt của chị T2 (Vợ T) là 2.380.000 đồng, bà N (Bảy T) là 2.380.000 đồng, bà T (Tur Đ) là 2.380.000 đồng, bà T (Tur P) là 2.380.000 đồng, bà Đ (Tur Đ) là 2.380.000 đồng; bà V (Năm V) là 4.760.000 đồng, bà D là 4.760.000 đồng; ông M (MĐ) là 9.520.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 15/11/2016 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng/tháng, tiền bị cáo T bỏ hụi là 405.000 đồng, bị cáo T chiếm đoạt của chị B (Vợ Q) là 2.380.000 đồng, bà N (Bảy T) là 2.380.000 đồng, bà T là 2.380.000 đồng, chị P là 2.380.000 đồng, chị N là 2.380.000 đồng, chị T (N) là 2.380.000 đồng, bà V (Năm V) là 2.380.000 đồng, chị T là 2.380.000 đồng, bà D (Bảy B) là 2.380.000 đồng, bà Đ (Tur Đ) là 4.760.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 25/6 (trước)/2017 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng/tháng, tiền bị cáo T bỏ hụi là 405.000 đồng, bị cáo T chiếm đoạt của chị P là 3.570.000 đồng, chị P là 1.785.000 đồng, chị T (N) là 3.570.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 05/02/2016 (âm lịch), hụi 2.000.000 đồng/tháng, tiền bị cáo T bỏ hụi là 800.000 đồng, bị cáo T chiếm đoạt của bà Đ (Sáu M) là 3.600.000 đồng, chị B (vợ Q) là 3.600.000 đồng, bà T là 7.200.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu V là 3.600.000 đồng, bà V (Năm V) là 3.600.000 đồng, chị S là 3.600.000 đồng, chị D (Bé H) là 3.600.000 đồng, bà U (Út L) là 3.600.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 30/6/2016 (âm lịch), hụi 2.000.000 đồng/tháng, tiền bị cáo T bỏ hụi là 800.000 đồng, bị cáo T chiếm đoạt của bà N là 6.000.000 đồng, chị T (N) là 24.000.000 đồng, ông M (MĐ) là 12.000.000 đồng, bà T (Tur P) là 6.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 20/7/2016 (âm lịch), hụi 5.000.000 đồng/tháng, tiền bị cáo T bỏ hụi là 1.900.000 đồng, bị cáo T chiếm đoạt của ông T1, chị N (Tr), bà T (Tám P), chị P mỗi người số tiền 3.100.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền bị cáo T đã chiếm đoạt của 30 người/09 dây hụi là 194.960.000đ (Một trăm chín mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Riêng những hụi viên còn sống của 09 (chín) dây hụi bị Lê Thị T thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản không viết đơn tố cáo và không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo T nên không xem xét tư cách tham gia tố tụng là bị hại trong vụ án hình sự này.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2020/HSST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

1 Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù T1 từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 25/3/2019.

2. Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị T.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về ho, hui, biên, phùng, tuyên xử:

* Ghi nhận bị cáo tự nguyện có trách nhiệm bồi thường tiền hại mà bị cáo chiếm đoạt cho các bị hại như sau:

- + Chị Võ Thị Kim N: 10.350.000 đồng
- + Phạm Thị Kim B (Vợ Q): 6.570.000 đồng
- + Chị Lê Thị D (Vợ Bé H): 3.600.000 đồng
- + Bà Võ Thị O (Út T): 2.205.000 đồng
- + Chị Nguyễn Thị Kim T (N): 24.000.000 đồng
- + Bà Nguyễn Thị Thu V: 3.600.000 đồng
- + Chị Võ Thị Anh T: 2.970.000 đồng
- + Ông Lê Văn T1 (Hai T1): 3.100.000 đồng
- + Bà Trần Thị D (Bảy B): 2.380.000 đồng
- + Bà Trần Thị L (Tư L): đã thỏa thuận bồi thường xong.
- + Bà Nguyễn Thị T (Tư Đ): 7.200.000 đồng
- + Ông Huỳnh Văn T (Hai T): 2.380.000 đồng
- + Bà Dương Thị N: 6.000.000 đồng
- + Chị Võ Thị Kim P: 6.670.000 đồng
- + Bà Huỳnh Thị T (Tư P): 8.380.000 đồng
- + Bà Võ Thị Đ (Sáu M): 3.600.000 đồng
- + Bà Trương Thị U (Út L): 3.600.000 đồng
- + Ông Võ Văn M (MĐ): 21.520.000 đồng
- + Bà Nguyễn Ngọc T (Tám P): 3.100.000 đồng
- + Chị Phạm Thị Bích T2 (T): 2.380.000 đồng
- + Chị Trần Thị Mỹ L (Chín C): 2.795.000 đồng

+ Bà Võ Thị Thu V (Năm V): 13.535.000 đồng

+ Chị Phan Thị L (Ốc L): 2.205.000 đồng

+ Bà Nguyễn Thị D: 7.140.000 đồng

+ Bà Trần Thị Lệ T: 4.410.000 đồng

+ Nguyễn Thị Thu S: 3.600.000 đồng

+ Bà Phan Thị N: 9.170.000 đồng

+ Bà Trần Kim Đ (Tur Đ): 7.140.000 đồng

+ Chị Lê Thị Thu N: 3.100.000 đồng

+ Chị Huỳnh Nguyễn Nhã P: 4.165.000 đồng

* Buộc bị cáo tiếp tục có nghĩa vụ trả tiền hụi (phần tiền dân sự) cho các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau:

+ Chị Võ Thị Kim N: 75.000.000 đồng - 10.350.000 đồng = 64.650.000 đồng

+ Phạm Thị Kim B (Vợ Q): 59.131.000 đồng - 6.570.000 đồng = 52.561.000 đồng

+ Chị Lê Thị D (Vợ Bé H): 50.021.000 đồng - 3.600.000 đồng = 46.421.000 đồng

+ Chị Nguyễn Thị Kim T (N): 200.000.000 đồng - 24.000.000 đồng = 176.000.000 đồng

+ Bà Nguyễn Thị Thu V: 60.000.000 đồng - 3.600.000 đồng = 56.400.000 đồng

+ Chị Võ Thị Anh T: 20.617.000 đồng - 2.970.000 đồng = 17.647.000 đồng

+ Ông Lê Văn T1 (Hai T1): 137.000.000 đồng - 3.100.000 đồng = 133.900.000 đồng

+ Bà Trần Thị D (Bảy B): 21.000.000 đồng - 2.380.000 đồng = 18.620.000 đồng

+ Bà Trần Thị L (Tur L): 3.812.000 đồng

+ Bà Nguyễn Thị T (Tur Đ): 74.000.000 đồng - 7.200.000 đồng = 66.800.000 đồng

+ Ông Huỳnh Văn T (Hai T): 28.000.000 đồng - 2.380.000 đồng = 25.620.000 đồng

+ Bà Dương Thị N: 50.000.000 đồng - 6.000.000 đồng = 44.000.000 đồng

+ Chị Võ Thị Kim P: 249.000.000 đồng - 6.670.000 đồng = 242.330.000 đồng

+ Bà Huỳnh Thị T (Tur P): 50.000.000 đồng - 8.380.000 đồng = 41.620.000 đồng

+ Bà Võ Thị Đ (Sáu M): 47.000.000 đồng - 3.600.000 đồng = 43.400.000 đồng

+ Bà Trương Thị U (Út L): 36.090.000 đồng - 3.600.000 đồng = 32.490.000 đồng

+ Ông Võ Văn M (MĐ): 134.888.000 đồng - 21.520.000 đồng = 113.368.000 đồng

+ Bà Nguyễn Ngọc T (Tám P): 173.000.000 đồng - 3.100.000 đồng = 169.900.000 đồng

+ Chị Phạm Thị Bích T2 (T): 66.000.000 đồng - 2.380.000 đồng = 63.620.000 đồng

+ Chị Trần Thị Mỹ L (Chín C): 15.000.000 đồng - 2.795.000 đồng = 12.205.000 đồng

+ Bà Võ Thị Thu V (Năm V): 23.000.000 đồng - 13.535.000 đồng = 9.465.000 đồng

+ Chị Phan Thị L (Ốc L): 24.300.000 đồng - 2.205.000 đồng = 22.095.000 đồng

+ Bà Nguyễn Thị D: 52.689.000 đồng - 7.140.000 đồng = 45.549.000 đồng

+ Bà Trần Thị Lệ T: 76.212.000 đồng - 4.410.000 đồng = 71.802.000 đồng

+ Nguyễn Thị Thu S: 111.000.000 đồng - 3.600.000 đồng = 107.400.000 đồng

+ Bà Phan Thị N: 48.841.000 đồng - 9.170.000 đồng = 39.671.000 đồng

+ Bà Trần Kim Đ (Tur Đ): 176.000.000 đồng - 7.140.000 đồng = 168.860.000 đồng

+ Chị Lê Thị Thu N: 132.000.000 đồng - 3.100.000 đồng = 128.900.000 đồng

+ Chị Huỳnh Nguyễn Nhã P: 35.000.000 đồng - 4.165.000 đồng = 30.835.000 đồng

+ Bà Lê Thị N: 27.000.000 đồng

+ Chị Dương Tấn Đ: 53.000.000 đồng

+ Chị Nguyễn Thị Thùy D (Đ): 51.000.000 đồng

+ Chị Nguyễn Thị Kim T: 20.000.000 đồng

* Tiếp tục tạm giữ số tiền 220.000.000 đồng mà bị cáo T đã tự nguyện nộp để thi hành toàn bộ phần tiền mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại. Phần tiền còn dư ra 14.095.000 đồng thì tiếp tục tạm giữ tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện

TPĐ, tỉnh Tiền Giang để thi hành nghĩa vụ dân sự của bị cáo trong vụ án này cho các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Theo biên lai thu tiền số 09649 ngày 18/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TPĐ).

Việc giao trả tất cả những khoản tiền nêu trên được thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật

* Ngoài ra trong bản án còn quyết định về phần án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 11-3-2020, bị cáo Lê Thị T có đơn kháng cáo bản án, với nội dung yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 23- 3 -2020, các bị hại Lê Văn T1, Trần Kim Đ, Nguyễn Thị T, Phạm Thị Bích T2, Võ Thị Đ, Trần Thị Lệ T, Nguyễn Thị Thu V, Võ Thị Thu V, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Kim T, Huỳnh Nguyễn Nhã P, Võ Thị Kim N, Nguyễn Thị Thu S, Võ Văn M, Dương Thị N, Phạm Thị Kim B, Võ Thị Kim P, Lê Thị Thu N, Nguyễn Ngọc T kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm với nội dung cụ thể như sau:

- Ông Lê Văn T1 yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho ông số tiền 137.000.000 đồng.

- Bà Trần Kim Đ yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho bà số tiền 176.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho bà số tiền 74.000.000 đồng.

- Bà Phạm Thị Bích T2 yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho bà số tiền 66.000.000 đồng.

- Bà Võ Thị Đ yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho bà số tiền 47.000.000 đồng.

- Bà Trần Thị Lệ T yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho bà số tiền 76.212.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thu V yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho bà số tiền 60.000.000 đồng.

- Bà Võ Thị Thu V yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho bà số tiền 23.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị D yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho bà số tiền 52.689.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho chị số tiền 200.000.000 đồng.
- Chị Huỳnh Nguyễn Nhã P yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho chị số tiền 35.000.000 đồng.
- Bà Võ Thị Kim N yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho bà số tiền 75.000.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị Thu S yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho bà số tiền 105.000.000 đồng.
- Ông Võ Văn M yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho ông số tiền 134.800.000 đồng.
- Bà Dương Thị N yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho bà số tiền 50.000.000 đồng.
- Bà Phạm Thị Kim B yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho bà số tiền 59.000.000 đồng.
- Chị Võ Thị Kim P yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho chị số tiền 150.000.000 đồng.
- Chị Lê Thị Thu N yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho chị số tiền 131.000.000 đồng.
- Bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Trả lại cho bà số tiền 173.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của án sơ thẩm đã xét xử. Đồng thời, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Những người bị hại tại phiên tòa vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại nộp trong hạn là hợp lệ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm xác định bị cáo chiếm đoạt 194.960.000 đồng là không có cơ sở. Bởi vì ngoài việc chiếm đoạt phần hui sống như cấp sơ thẩm đã xét xử thì bị cáo còn đi gom của những người hui chết mà phần này cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ. Sau cùng, Viện kiểm sát đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện TPD, tỉnh Tiền Giang điều tra lại theo qui định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho 18 người bị hại cho rằng cấp sơ thẩm xác định bị cáo chiếm đoạt số tiền 194.960.000 đồng của 19 người bị hại là không đúng với thực tế vụ án. Vì khi bị cáo hót hui, bị cáo nói hui gởi và đi gom hui của những người hui sống và gom cả những người hui chết nên số tiền mà bị cáo chiếm đoạt sẽ nhiều hơn so với số tiền mà cấp sơ thẩm đã xác định. Ngoài ra, luật sư còn cho rằng trong thời gian bị cáo đang bị điều tra mà

người nhà của bị cáo vẫn còn đi gom hụi, cần phải làm rõ tránh để lọt tội phạm. Sau cùng luật sư đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến tháng 8/2018 bị cáo T đã có hành vi gian dối bằng cách tự ý bỏ thăm cho hụi viên vắng mặt và nói với hụi viên có mặt là “hụi gửi” (hụi viên bận không đi bỏ thăm nhờ bị cáo bỏ thăm giúp) để hốt hụi sống nhằm chiếm đoạt tổng số tiền 194.960.000 đồng của 33 phần/09 dây hụi cho nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thị T phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo qui định tại điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận có chiếm đoạt số tiền 194.960.000 đồng của 33 phần hụi/9 dây hụi. Tuy nhiên bị cáo cũng thừa nhận khi hốt hụi gửi bị cáo cũng có đi thu tiền của những người đã hốt hụi phải đóng chết (gọi là hụi chết), thu mỗi người bao nhiêu, thu mấy người thì bị cáo không nhớ vì quá lâu. Xét thấy, quá trình điều tra Cơ quan điều tra chưa làm rõ hành vi chiếm đoạt của bị cáo đối với những người hụi chết. Cụ thể : như dây hụi ngày 5/6/2016 al gồm 30 phần, hụi 500.000 đồng/tháng. Dây hụi này bị cáo tự ý bỏ thăm 8 lần để hốt hụi nói là hụi gửi, thực hiện lần đầu vào tháng 8/2016 al. Cấp sơ thẩm xác định bị cáo chiếm đoạt dây hụi này bằng cách thu của 8 người hụi sống là 24.255.000 đồng nhưng bị cáo còn thu của những người hụi chết được bao nhiêu tiền, ai đã đóng hụi chết và ai không đóng hụi chết thì chưa được điều tra làm rõ. Các dây hụi khác cũng tương tự như thế. Bởi vì số tiền mà những người hụi chết đã đóng cho bị cáo khi bị cáo nói hốt hụi gửi thì đây là số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của người bị hại, do hành vi gian dối của bị cáo gây ra.

Để có cơ sở xác định bị cáo chiếm đoạt tiền của những người bị hại là bao nhiêu, khung hình phạt như thế nào thì cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ. Do bản án sơ thẩm bị hủy nên yêu cầu kháng cáo của bị cáo, yêu cầu kháng cáo của 19 người bị hại hội đồng xét xử chưa đặt ra xem xét.

Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát, lời bào chữa của luật sư là có căn cứ, nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm d khoản 1 điều 355; điểm b khoản 1 điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm 03/2020/HSST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang điều tra lại theo qui định.

2/ Về án phí: Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Những người bị hại: Lê Văn T1, Trần Kim Đ, Nguyễn Thị T, Phạm Thị Bích T2, Võ Thị Đ, Trần Thị Lệ T, Nguyễn Thị Thu V, Võ Thị Thu V, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Kim T, Huỳnh Nguyễn Nhã P, Võ Thị Kim N, Nguyễn Thị Thu S, Võ Văn M, Dương Thị N, Phạm Thị Kim B, Võ Thị Kim P, Lê Thị Thu N, Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí HSPT và án phí DSPT.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Kim Đ 300.000 đồng theo biên lai thu số 49381 ngày 25/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Lê Văn T1 300.000 đồng theo biên lai thu số 49380 ngày 25/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị T 300.000 đồng theo biên lai thu số 49379 ngày 25/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Phạm Thị Bích T2 300.000 đồng theo biên lai thu số 49374 ngày 24/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Võ Thị Đ 300.000 đồng theo biên lai thu số 49367 ngày 24/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị L T 300.000 đồng theo biên lai thu số 49377 ngày 24/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Thu V 300.000 đồng theo biên lai thu số 49368 ngày 24/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Võ Thị Thu V 300.000 đồng theo biên lai thu số 49369 ngày 24/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị D 300.000 đồng theo biên lai thu số 49378 ngày 24/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Kim T 300.000 đồng theo biên lai thu số 49364 ngày 24/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Huỳnh Nguyễn Nhã P 300.000 đồng theo biên lai thu số 49375 ngày 24/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Võ Thị Kim N 300.000 đồng theo biên lai thu số 49371 ngày 24/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Thu S 300.000 đồng theo biên lai thu số 49370 ngày 24/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Võ Văn M 300.000 đồng theo biên lai thu số 49376 ngày 24/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Dương Thị N 300.000 đồng theo biên lai thu số 49372 ngày 24/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Phạm Thị Kim B 300.000 đồng theo biên lai thu số 49363 ngày 24/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Võ Thị Kim P 300.000 đồng theo biên lai thu số 49365 ngày 24/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Thu N 300.000 đồng theo biên lai thu số 49366 ngày 24/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Ngọc T 300.000 đồng theo biên lai thu số 49373 ngày 24/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CATG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND H TPĐ;
- VKSND H TPĐ;
- Công an H TPĐ;
- THADS H TPĐ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Hoàng Thị Thơ